

VẬN DỤNG HỌC THUYẾT VỀ TỰ DO Ý CHÍ ĐỂ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP DÂN SỰ THEO LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN

TẠ ĐÌNH TUYỀN*

Tóm tắt: Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (HGĐTTA) năm 2020 tạo hành lang pháp lý cho một cơ chế hòa giải, đối thoại mới¹, áp dụng đối với những vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà cá nhân, cơ quan, tổ chức đã có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Bài viết phân tích Học thuyết tự do ý chí và sự thể hiện của học thuyết về tự do ý chí trong các quy định về hòa giải các tranh chấp dân sự theo Luật HGĐTTA. Trên cơ sở đánh giá thực trạng quy định của Luật HGĐTTA, bài viết kết luận có sự thiếu vắng quy định về quyền lựa chọn hòa giải của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tranh chấp dân sự, về hoãn phiên hòa giải và trường hợp các bên thay đổi ý chí sau khi đã hòa giải thành và đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành, từ đó đề xuất hoàn thiện pháp luật.

Từ khóa: Hòa giải tại Tòa án; Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; tranh chấp dân sự; tự do ý chí

Ngày nhận bài: 10/9/2024; Biên tập xong: 16/9/2024; Duyệt đăng: 20/9/2024

APPLYING THE DOCTRINE OF FREE WILL TO COMPLETE THE REGULATIONS ON MEDIATION OF CIVIL DISPUTES ACCORDING TO THE LAW ON MEDIATION AND DIALOGUE AT THE COURT

Abstract: The 2020 Law on Mediation and Dialogue at the Court creates a legal corridor for a new mediation and dialogue mechanism, applied to the cases under the jurisdiction of the Court in which individuals, agencies and organizations have filed a lawsuit or petition for the Court to resolve. The article analyses the doctrine of free will and its expression in the regulations on mediation of civil disputes under the Law on Mediation and Dialogue at the Court. Based on assessing the current situation of the Law on Mediation and Dialogue at the Court's provisions, the article concludes that there is the lack of regulations on (i) the right to choose mediation of persons with related interests and obligations in civil disputes; (ii) postponing mediation session; and (iii) cases where the parties change their will after successful mediation and request Court's recognition of successful mediation results, thereby making proposals to improve the relevant law.

Keywords: Mediation at Court; Law on Mediation and Dialogue at the Court; civil dispute; free will

Received: Sep 10th, 2024; **Editing completed:** Sep 16th, 2024; **Accepted for publication:** Sep 20th, 2024

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đã đi vào cuộc sống và ngày càng khẳng định đây là mô hình nhân văn, với phương thức thân thiện, cảm thông, chia sẻ đã giúp

giải quyết triệt để nhiều tranh chấp mà không phải mở phiên tòa xét xử². Đối với hòa giải các tranh chấp dân sự theo Luật HGĐTTA năm 2020, học thuyết về tự do ý chí, mà cụ thể là quyền quyết định và tự định đoạt của các bên tranh chấp được ghi nhận xuyên suốt trong quá trình hòa giải. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, thực trạng quy định của Luật HGĐTTA cũng

¹ Tạ Đình Tuyền, "Bàn về một số quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và một số kiến nghị", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 8/2022, tr.20.

² Nguyễn Hòa Bình (2022), *Một số nội dung cải cách tư pháp trong thời gian tới*, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/mot-so-noi-dung-cai-cach-tu-phap-trong-thoi-gian-toi, truy cập ngày 10/6/2024.

*Email: Tuyentd.tatc@gmail.com

Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh Trường Đại học Luật Hà Nội

bộc lộ một số hạn chế, bất cập liên quan đến quyền quyết định và tự định đoạt của các bên tranh chấp. Vì vậy, việc nghiên cứu đề xuất hoàn thiện pháp luật là rất cần thiết.

2. Học thuyết về tự do ý chí - Cơ sở khoa học của việc xây dựng cơ chế hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

2.1. Học thuyết về tự do ý chí

Tự do là một khái niệm đa nghĩa, “không một từ nào lại có nhiều cách định nghĩa theo những lối suy nghĩ khác nhau như từ “tự do”³. John Stuart Mill - một nhà triết học, một nhà đạo đức học, nhà kinh tế học và là nhà hoạt động chính trị nổi tiếng ở nước Anh - đã tiếp cận tự do của mỗi người theo hướng tìm thấy giới hạn của mình trong tự do của người khác, tự do xã hội là ranh giới giữa sự kiểm soát xã hội và độc lập của cá nhân⁴. Tự do, với ý nghĩa triết học, “là được thực hiện ý chí của mình, hoặc ít ra là được nói lên quan niệm về thực hiện ý chí ấy”⁵. Tự do là “năng quyền được làm những việc theo sở thích của mình, được hoạt động theo ý chí của mình”⁶. Ý chí “là một tập hợp các sự kiện tinh thần được thể hiện trong hành động có mục đích và có ý thức”⁷.

Học thuyết tự do ý chí là một sản phẩm lịch sử do quan niệm tự do hay do những lý thuyết tự do đã mạnh mẽ phát huy ở trong nước từ nước Pháp trong thế kỷ XVIII⁸. Việc thừa nhận nguyên tắc tự do ý chí là kết quả về sự tiến bộ không thể tránh khỏi của nền văn minh nhân loại, về sự phát triển kinh tế - xã hội và những nhu cầu cần thiết nảy sinh do hệ quả của các mối quan hệ xã hội

phức tạp⁹. Theo học thuyết này, cá nhân chỉ có thể bị ràng buộc bởi ý chí của chính mình được tuyên bố một cách trực tiếp thông qua các hợp đồng hay gián tiếp thông qua pháp luật. Học thuyết này cho rằng, pháp luật thể hiện ý chí chung của các cá nhân trong xã hội nên các quy định của pháp luật có giá trị bắt buộc chung mà các cá nhân đã gián tiếp ưng thuận¹⁰. Cá nhân có thể quyết định các hiệu lực của hành vi pháp luật của mình theo đúng ý muốn, trừ trường hợp trái với thuần phong mỹ tục và trật tự công cộng¹¹. Ý chí của các đương sự được coi là tối thượng. Ý chí ấy được coi là có giá trị của luật pháp giữa các đương sự, khiến Thẩm phán cũng phải tôn trọng, chỉ có các đương sự mới thay đổi được ý chí ấy¹².

Các học giả thường xem xét tự do ý chí trên ba phương diện là triết học, đạo đức và kinh tế¹³. Về mặt triết học, Học thuyết tự do ý chí dựa trên nền tảng của tự do cá nhân, có nghĩa là không ai có thể bị ép buộc làm hay không làm một việc gì đó ngoài ý muốn của họ. Về mặt đạo đức, Học thuyết tự do ý chí dựa trên quan niệm rằng không ai có thể bị ép buộc làm hay không làm một công việc mà không xuất phát từ lợi ích của họ. Về mặt kinh tế, Học thuyết tự do ý chí dựa trên nhận định rằng lợi ích cá nhân là động lực thúc đẩy các hoạt động kinh tế. Do đó, tự do ý chí phải được đề cao để con người vì lợi ích của mình trong xã hội tự do cạnh tranh mang lại những lợi ích chung¹⁴.

Đến thế kỷ XIX, Học thuyết tự do đã bị Học phái xã hội chỉ trích nhiều. Học phái xã hội cho rằng nếu các cá nhân được hoàn toàn

³ Montesquieu (1748), *Bàn về tinh thần pháp luật*, Hoàng Thanh Đàm (dịch), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.103.

⁴ John Stuart Mill (1859), *Bàn về tự do*, Nguyễn Văn Trọng (dịch), Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr.9.

⁵ Montesquieu, sđd, tr.127.

⁶ Vũ Văn Mẫu, *Dân luật khái luận*, Bộ Quốc gia giáo dục, 1961, tr.392.

⁷ Inga Kudeikin, Karina Palkova, “The Problems in Will Expression in Civil Law Transactions and Healthcare in Case of Capacity of Individuals”, *European Journal of Sustainable Development*, 2020, p.175.

⁸ Vũ Văn Mẫu, *Việt Nam Dân luật lược khảo, Quyển II Khế ước và nghĩa vụ*, Bộ Quốc gia giáo dục, 1963, tr.83-84.

⁹ Haeri, M, *The Jurisprudential Foundations of the Principle of Contract Freedom; an Analysis of Article 10 of the Civil Code*, Kayhan Publication, 1994, p.11.

¹⁰ Vũ Văn Mẫu, *Việt Nam Dân luật lược khảo, Quyển II Khế ước và nghĩa vụ*, sđd, tr.84.

¹¹ Vũ Văn Mẫu, *Dân luật khái luận*, sđd, tr.394.

¹² Vũ Văn Mẫu, *Dân luật khái luận*, sđd, tr.50.

¹³ Ngô Huy Cương, “Tự do ý chí và sự tiếp nhận tự do ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 02/2008.

¹⁴ Boris Starck, *Droit Civil, Obligations, 2. Contrat*, troisième édition, Litec, 1989, p.4-5.

tự do thì “tình trạng này sẽ đưa đến kết quả bất công là những phân tử yếu hèn sẽ bị những người mạnh giỏi uy hiếp và trục lợi”¹⁵. Tuy phạm vi tự do rất rộng nhưng cũng có giới hạn, “giới hạn tự nhiên của tự do là các sự tự do và nhất là quyền lợi của các người sống chung quanh ta”¹⁶.

Sự cần thiết phải hạn chế tự do ý chí có thể được xem xét bởi 03 lý do sau: Thứ nhất là nhu cầu cân đối giữa lợi ích của cá nhân thông qua ý muốn của họ với lợi ích chung của cộng đồng, bởi (1) một mặt con người cần được tự do để phát triển đầy đủ và toàn diện đúng với mục đích sống của mình; (2) mặt khác, cộng đồng cần phải được duy trì và phát triển để trở thành cái nôi nuôi dưỡng thực sự cho các ước vọng chung của con người và của mỗi cá nhân. Thứ hai là nhu cầu bảo vệ những người yếu thế trong xã hội hay trong một giao dịch cụ thể. Thứ ba là nhu cầu phát triển kinh tế có trật tự và đúng hướng theo sự lựa chọn chung. Tuy nhiên, có quan điểm chỉ nói tới lý do lợi ích công cộng trong việc hạn chế quyền tự do giao kết hợp đồng¹⁷.

Sự hạn chế trước tiên được diễn đạt dưới góc độ pháp lý là nhằm bảo vệ trật tự công cộng và đạo đức xã hội. Vai trò hạt nhân của pháp luật là điều chỉnh mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Có học thuyết quá đề cao cộng đồng, nhưng ngược lại, có học thuyết quá đề cao cá nhân. Dù sao cộng đồng và cá nhân cùng phải được tồn tại và phát triển một cách lành mạnh và thích đáng¹⁸. Giải pháp xác đáng nhất để dung hòa hai học phái là tôn trọng sự tự do ý chí (tự do lập kế), nhưng cũng chú trọng vào quyền lợi của xã hội, vì vậy nguyên tắc tự do ý chí đã bị nhà lập pháp hạn chế về nhiều phương diện, nhất là thông qua quy định cá nhân phải tôn trọng trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục. Tuy nhiên, đây là hai

ý niệm mang tính “mềm dẻo, thay đổi tùy tình trạng xã hội” và phạm vi của hai ý niệm “mỗi ngày một nói rộng”, đó là sự hạn chế đối với Học thuyết tự do ý chí¹⁹.

2.2. Nội dung Học thuyết về tự do ý chí trong các quy định về hòa giải các tranh chấp dân sự theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Đối với hòa giải các tranh chấp dân sự theo Luật HGĐTTA, Học thuyết tự do ý chí có thể vận dụng ở góc độ tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của các bên tranh chấp xuyên suốt trong quá trình hòa giải, thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Các bên được lựa chọn đồng ý hoặc từ chối tham gia hòa giải, quyết định chấm dứt hòa giải ở bất cứ giai đoạn nào của quá trình hòa giải. Theo quy định tại Điều 16 Luật HGĐTTA năm 2020, sau khi nhận được đơn khởi kiện, nếu không thuộc một trong các trường hợp không tiến hành hòa giải quy định tại các khoản 1, 2, 4, 6 và 7 Điều 19 của Luật này thì Tòa án thông báo bằng văn bản cho người khởi kiện, người bị kiện về quyền được lựa chọn hòa giải theo Luật HGĐTTA năm 2020. Với quyền này, người khởi kiện, người bị kiện được thể hiện ý chí, quyết định việc có hòa giải tranh chấp hay không. Tòa án chỉ chuyển vụ việc sang hòa giải nếu người khởi kiện, người bị kiện đồng ý hòa giải hoặc trong trường hợp người khởi kiện đã được thông báo lần thứ hai vẫn không trả lời. Trong quá trình hòa giải, các bên (bao gồm người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có quyền chấm dứt hòa giải²⁰, thể hiện ý chí trong việc không tiếp tục quá trình hòa giải tại Tòa án.

- Các bên trực tiếp tham gia hoặc cử người đại diện tham gia hòa giải để thể hiện ý chí của mình. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 và khoản 2 Điều 25 Luật HGĐTTA năm 2020, các bên có thể trực tiếp hoặc ủy

¹⁵ Vũ Văn Mẫu, *Việt Nam Dân luật lược khảo, Quyển II Khế ước và nghĩa vụ*, sđd, tr.84.

¹⁶ Vũ Văn Mẫu, *Dân luật khảo luận*, sđd, tr.392.

¹⁷ Phạm Duy Nghĩa, *Chuyên khảo luật kinh tế*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024, tr.401.

¹⁸ Ngô Huy Cương, sđd.

¹⁹ Vũ Văn Mẫu, *Việt Nam Dân luật lược khảo, Quyển II Khế ước và nghĩa vụ*, sđd, tr.84-87.

²⁰ Điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 40 Luật HGĐTTA năm 2020.

quyền cho người đại diện tham gia hòa giải; đồng thời phải thông báo bằng văn bản về họ, tên, địa chỉ của người đại diện cho bên kia và Hòa giải viên biết. Tuy nhiên, đối với hòa giải việc ly hôn, các bên trong quan hệ vợ, chồng phải trực tiếp tham gia hòa giải để trực tiếp thể hiện ý chí của mình trong quá trình hòa giải. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện của các bên được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 (từ Điều 134 đến Điều 143 về đại diện).

- Các bên được quyền lựa chọn Hòa giải viên, đề nghị thay đổi Hòa giải viên trong quá trình hòa giải. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 17 Luật HGĐTTTA năm 2020, người khởi kiện có quyền lựa chọn Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc; người khởi kiện cũng có quyền lựa chọn Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên của Tòa án nhân dân cấp huyện khác trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án nhân dân cấp tỉnh để hòa giải vụ việc của mình; người bị kiện cũng có quyền đề nghị thay đổi Hòa giải viên đã được chỉ định. Trong quá trình hòa giải, nếu Hòa giải viên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc hòa giải hoặc có căn cứ rõ ràng cho rằng Hòa giải viên có thể không vô tư, không khách quan trong khi thực hiện nhiệm vụ thì các bên có quyền đề nghị thay đổi Hòa giải viên²¹.

- Các bên có quyền bày tỏ ý chí, đề xuất phương thức, giải pháp giải quyết tranh chấp và thống nhất về nội dung hòa giải. Hòa giải các tranh chấp dân sự tại Tòa án phát huy tối đa tự do ý chí và khả năng tự định đoạt của các chủ thể tham gia với sự hỗ trợ chuyên nghiệp của các Hòa giải viên giúp cho các bên trao đổi, đàm phán với nhau, gợi ý về các giải pháp phù hợp để giải quyết bất đồng. Nói cách khác, chính các bên tìm ra phương án giải quyết tranh chấp với tinh thần “hai bên cùng thắng”. Thông qua hòa giải, các bên

bày tỏ ý chí, đề xuất phương thức, giải pháp giải quyết tranh chấp và thống nhất về nội dung hòa giải trên cơ sở thiện chí, thống nhất để hài hòa lợi ích đôi bên, không bị rơi vào tâm lý thắng thua như khi giải quyết tranh chấp thông qua tố tụng tại Tòa án. Nhờ thế mà mối quan hệ hợp tác giữa các bên được duy trì tốt hơn.

- Các bên tự quyết việc có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành hay không. Tại phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, các bên có quyền thể hiện ý chí trong việc yêu cầu hoặc không yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nội dung này sẽ được thể hiện tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải²², làm cơ sở cho Tòa án thực hiện các bước tiếp theo.

- Các bên có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành. Theo quy định tại khoản 1 Điều 36, Điều 37 Luật HGĐTTTA năm 2020, các bên có quyền đề nghị Tòa án cấp trên trực tiếp của Tòa án đã ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành xem xét lại quyết định này, nếu có căn cứ cho rằng nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên vi phạm một trong các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật này.

Tuy nhiên, tự do ý chí của các bên trong hòa giải các tranh chấp dân sự tại Tòa án cũng bị hạn chế, đó là các bên phải tôn trọng pháp luật; chấp hành nội quy, quy chế hòa giải; thực hiện các yêu cầu của Hòa giải viên trong quá trình hòa giải tại Tòa án...²³ Luật HGĐTTTA cũng quy định về thời hạn để thể hiện ý chí (như thời hạn trả lời về việc lựa chọn hòa giải, thời hạn đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành). Quy định như trên thể hiện sự tôn trọng tự do ý chí của các bên, nhưng cũng chú trọng vào quyền lợi của xã hội, bảo đảm giải quyết nhanh chóng các tranh chấp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

²² Điểm e khoản 1 Điều 31 Luật HGĐTTTA năm 2020.

²³ Khoản 2 Điều 8 Luật HGĐTTTA năm 2020.

²¹ Khoản 1 Điều 18 Luật HGĐTTTA năm 2020.

3. Một số hạn chế, bất cập của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án về quyền quyết định và tự định đoạt của các bên và kiến nghị hoàn thiện

Như đã phân tích tại mục 1, trong hòa giải các tranh chấp dân sự, Học thuyết về tự do ý chí được thể hiện ở chỗ cơ chế này tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của các bên tranh chấp. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tiến bộ đáng ghi nhận, Luật HGĐTTTA năm 2020 vẫn còn một số hạn chế, bất cập cần hoàn thiện liên quan đến quyền quyết định và tự định đoạt của các bên.

3.1. Quyền lựa chọn hòa giải của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tranh chấp dân sự

Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Luật HGĐTTTA năm 2020, các bên tham gia hòa giải là cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, theo quy định tại Điều 26 Luật HGĐTTTA năm 2020 thì “các bên tham gia hòa giải” tranh chấp dân sự bao gồm người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong đó, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người khi hòa giải các nội dung tranh chấp làm ảnh hưởng đến quyền hoặc nghĩa vụ của họ. *“Đây là vấn đề rất quan trọng và rất khó xác định, nếu Hòa giải viên không nghiên cứu kỹ thì sẽ dễ thiếu người có quyền lợi hoặc nghĩa vụ có liên quan, làm cho kết quả hòa giải thành, đối thoại thành không được công nhận”*²⁴.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật HGĐTTTA năm 2020, bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên là một trong những nguyên tắc của hòa giải tại Tòa án. Theo quy định của Luật HGĐTTTA năm 2020, trong suốt quá trình hòa giải, về cơ bản người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong

tranh chấp dân sự bình đẳng với người khởi kiện, người bị kiện, thể hiện ở các điểm: (1) Là thành phần bắt buộc tham gia phiên hòa giải²⁵; (2) Được trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, người bị kiện; đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải và hướng giải quyết tranh chấp²⁶; (3) Là thành phần bắt buộc tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải (nếu vắng mặt lần thứ nhất thì phải hoãn phiên họp)²⁷; (4) Được đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án²⁸.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 16 Luật HGĐTTTA năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp mặc dù được Tòa án thông báo bằng văn bản về việc chuyển vụ việc sang hòa giải và văn bản chỉ định Hòa giải viên (khoản 7), nhưng lại không được thể hiện ý kiến đối với nội dung được thông báo giống như người bị kiện (khoản 8). Tác giả cho rằng, việc Luật HGĐTTTA năm 2020 không ghi nhận quyền thể hiện ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chuyển vụ việc sang hòa giải và văn bản chỉ định Hòa giải viên là chưa đúng nguyên tắc “bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên” quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật HGĐTTTA năm 2020, chưa thống nhất với những quy định đã bảo đảm “bình đẳng” giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với người khởi kiện, người bị kiện trong quá trình hòa giải như đã phân tích ở trên. Vì vậy, tác giả kiến nghị bổ sung quyền thể hiện ý chí của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại khoản 8 Điều 16 Luật HGĐTTTA năm 2020 như sau:

“8. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án quy định tại khoản 7 Điều này, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lời bằng

²⁴ Điểm c mục 2 Phần II Hướng dẫn quy trình hòa giải, đối thoại theo Luật HGĐTTTA ban hành kèm theo Chỉ thị số 02/CT-CA ngày 14/3/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tăng cường công tác hòa giải, đối thoại theo Luật HGĐTTTA năm 2020.

²⁵ Điểm b khoản 1 Điều 25 Luật HGĐTTTA năm 2020 và điểm c mục 2 Phần II Hướng dẫn quy trình hòa giải, đối thoại theo Luật HGĐTTTA ban hành kèm theo Chỉ thị số 02/CT-CA.

²⁶ Khoản 4 Điều 26 Luật HGĐTTTA năm 2020.

²⁷ Điều 28, Điều 29 Luật HGĐTTTA năm 2020.

²⁸ Khoản 2 Điều 36 Luật HGĐTTTA năm 2020.

văn bản hoặc bằng hình thức khác về việc đồng ý hoặc không đồng ý tiến hành hòa giải, đối thoại. Hết thời hạn này thì tùy từng trường hợp mà xử lý như sau:

a) Hòa giải viên tiến hành hòa giải, đối thoại nếu người bị kiện, **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** đồng ý hòa giải, đối thoại hoặc không trả lời Tòa án;

b) Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại chỉ định Hòa giải viên khác nếu người bị kiện, **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** đề nghị thay đổi Hòa giải viên;

c) Tòa án chuyển đơn để xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng nếu người bị kiện, **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** không đồng ý hòa giải, đối thoại”.

3.2. Hoãn phiên hòa giải

Theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật HGĐTTTA năm 2020, nếu người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được mời tham gia hòa giải hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hoặc không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng thì thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải. Với quy định như trên, có thể hiểu nếu ở lần mời tham gia hòa giải hợp lệ lần thứ nhất, có một bên vắng mặt thì phải hoãn phiên hòa giải. Mục 1 Phần III Hướng dẫn quy trình hòa giải, đối thoại theo Luật HGĐTTTA ban hành kèm theo Chỉ thị số 02/CT-CA ngày 14/3/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tăng cường công tác hòa giải, đối thoại theo Luật HGĐTTTA năm 2020 cũng hướng dẫn: “*Trước khi tiến hành hòa giải, đối thoại, Hòa giải viên kiểm tra sự có mặt và vắng mặt, về căn cước của những người tham gia phiên hòa giải, đối thoại; thông báo về sự có mặt, vắng mặt của các bên; giới thiệu thành phần tham gia phiên hòa giải, đối thoại. Khi có người vắng mặt thì Hòa giải viên xác định có thuộc trường hợp hoãn phiên họp theo quy định tại Điều 29 Luật HGĐTTTA năm 2020 hay không để ra quyết định*”.

Như vậy, tương tự như quy định về hoãn phiên họp, mở lại phiên họp ghi nhận kết quả HGĐTTTA quy định tại Điều 29 Luật HGĐTTTA năm 2020, khi một trong các bên vắng mặt lần thứ nhất thì phải hoãn phiên hòa giải. Tuy nhiên, hiện nay Luật HGĐTTTA năm 2020 chưa có quy định về hoãn phiên hòa giải là thiếu sót, chưa phù hợp với hướng dẫn hiện nay của Tòa án nhân dân tối cao như đã trích dẫn ở trên. Vì vậy, tác giả kiến nghị bổ sung Điều 25a về hoãn phiên hòa giải, đối thoại, mở lại phiên HGĐTTTA sau Điều 25 Luật HGĐTTTA năm 2020 với những căn cứ hoãn phiên hòa giải tương tự như Điều 29 Luật này.

3.3. Việc các bên thay đổi ý chí sau khi đã hòa giải thành và đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành

Như đã phân tích tại mục 1.2, các bên có quyền quyết định và tự định đoạt đối với tranh chấp dân sự. Điều này đồng nghĩa với việc mặc dù tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, các bên đã yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, nhưng trong thời gian Tòa án chưa ra quyết định công nhận kết quả hòa giải, các bên vẫn có thể thay đổi thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành. Tuy nhiên, hiện nay, Luật HGĐTTTA năm 2020 chưa có quy định điều chỉnh trường hợp này.

Về vấn đề này, mục 7 Phần V Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân tối cao về thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử đã giải đáp như sau: Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành khi có yêu cầu của các bên và nội dung thỏa thuận thống nhất của các bên là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, khi Tòa án chưa ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành mà một trong các bên có yêu cầu thay đổi thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành thì Tòa án không ra quyết định. Tác giả cho rằng, hướng dẫn nêu trên của Tòa án nhân dân tối cao là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt đối

với tranh chấp dân sự, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự quy định tại khoản 1 Điều 212²⁹. Tuy nhiên, Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân tối cao chỉ là văn bản hướng dẫn nghiệp vụ nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử và giải quyết các loại án, không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, để bảo đảm Luật HGĐTTTA năm 2020 có quy phạm điều chỉnh trường hợp các bên thay đổi ý chí sau khi đã hòa giải thành và đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành, tác giả đề xuất luật hóa hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023. Cụ thể, bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 32 Luật HGĐTTTA năm 2020 như sau: “2a. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, nếu một trong các bên có yêu cầu thay đổi thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành thì Tòa án không ra quyết định công nhận”.

4. Kết luận

Học thuyết về tự do ý chí là một trong những cơ sở khoa học để xây dựng cơ chế hòa giải các tranh chấp dân sự theo Luật HGĐTTTA năm 2020. Theo đó, quyền quyết định và tự định đoạt của các bên tranh chấp phải được Hòa giải viên và Tòa án tôn trọng. Bên cạnh những ưu điểm, Luật HGĐTTTA năm 2020 còn một số hạn chế, bất cập liên quan đến quyền quyết định và tự định đoạt của các bên tranh chấp, đó là sự thiếu vắng quy định về quyền lựa chọn hòa giải của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tranh chấp dân sự, về hoãn phiên hòa giải và trường hợp các bên thay đổi ý chí sau khi đã hòa giải thành và đề nghị công nhận kết quả hòa giải thành. Vì vậy, việc hoàn thiện

quy định có liên quan của Luật HGĐTTTA năm 2020 là rất cần thiết, góp phần tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho cơ chế giải quyết tranh chấp ưu việt thay thế cho xét xử của Tòa án./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;
2. Chỉ thị số 02/CT-CA ngày 14/3/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tăng cường công tác hòa giải, đối thoại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
3. Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân tối cao về thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử;
4. Nguyễn Hòa Bình (2022), *Một số nội dung cải cách tư pháp trong thời gian tới*, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/mot-so-noi-dung-cai-cach-tu-phap-trong-thoi-gian-toi, truy cập ngày 10/6/2024;
5. Boris Starck, *Droit Civil, Obligations, 2. Contrat*, troisième édition, Litec, 1989;
6. Ngô Huy Cương, “Tự do ý chí và sự tiếp nhận tự do ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 02/2008;
7. Inga Kudeikin and Karina Palkova, “The Problems in Will Expression in Civil Law Transactions and Healthcare in Case of Capacity of Individuals”, *European Journal of Sustainable Development*, 2020;
8. John Stuart Mill, *Bàn về tự do*, Nguyễn Văn Trọng (dịch), Nxb. Tri thức, Hà Nội, 1859;
9. Haeri. M, *The Jurisprudential Foundations of the Principle of Contract Freedom; an Analysis of Article 10 of the Civil Code*, Kayhan Publication, 1994;
10. Vũ Văn Mẫu, *Dân luật khái luận*, Bộ Quốc gia giáo dục, 1961;
11. Vũ Văn Mẫu, *Việt Nam Dân luật lược khảo, Quyển II Khế ước và nghĩa vụ*, Bộ Quốc gia giáo dục, 1963;
12. Montesquieu, *Bàn về tinh thần pháp luật*, Hoàng Thanh Đạm (dịch), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 1748;
13. Phạm Duy Nghĩa, *Chuyên khảo luật kinh tế*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004;
14. Tạ Đình Tuyên, “Bàn về một số quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và một số kiến nghị”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 8/2022.

²⁹ Khoản 1 Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “1. Hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự”.